

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sản	Thành viên
Bà Dương Thị Lan	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Cường	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sản	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khuất Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Nhóm Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024



Số: 79/2024/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPV/v: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
của Công ty Cổ phần Nam Dược**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 280323.029/BCKT.KT1 phát hành ngày 28/3/2023.



Nguyễn Thành Lâm
Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0299-2023-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Hoàng Anh Tú
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4413-2023-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		299.365.077.310	295.904.114.463
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	95.648.561.841	145.681.613.076
1. Tiền	111		24.536.438.550	41.681.613.076
2. Các khoản tương đương tiền	112		71.112.123.291	104.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	45.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.576.415.096	33.854.020.644
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	35.551.553.202	23.648.407.855
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	12.223.825.663	7.267.299.516
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	3.801.036.231	2.938.313.273
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	101.583.328.395	108.385.301.990
1. Hàng tồn kho	141		101.583.328.395	108.385.301.990
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.556.771.978	7.983.178.753
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	997.732.436	2.378.186.903
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	4.559.039.542	5.591.152.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	-	13.839.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		350.385.335.655	298.328.577.070
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		510.000.000	231.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		510.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	-	231.000.000
II. Tài sản cố định	220		282.341.029.654	246.722.295.165
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	56.580.876.199	62.938.850.283
Nguyên giá	222		187.932.527.523	184.735.162.899
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.351.651.324)	(121.796.312.616)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	225.760.153.455	183.783.444.882
Nguyên giá	228		228.525.357.666	185.840.880.166
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.765.204.211)	(2.057.435.284)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.538.768.326	1.074.561.383
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	18.538.768.326	1.074.561.383
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		255.000.000	255.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.11	255.000.000	255.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.740.537.675	50.045.720.522
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	48.325.370.269	49.575.006.836
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.8	415.167.406	470.713.686
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		649.750.412.965	594.232.691.533

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		135.724.613.299	148.711.805.254
I. Nợ ngắn hạn	310		135.724.613.299	148.711.805.254
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	26.605.297.112	25.899.868.587
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	1.015.172.304	9.143.326.986
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	21.932.165.368	25.153.925.121
4. Phải trả người lao động	314		59.601.368.782	72.056.087.164
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	20.070.100.168	13.002.144.367
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	5.393.861.129	1.059.873.150
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.106.648.436	2.396.579.879
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	514.025.799.666	445.520.886.279
I. Vốn chủ sở hữu	410		514.025.799.666	445.520.886.279
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.640.000.000	59.640.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.640.000.000	59.640.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		454.385.799.666	385.880.886.279
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		357.895.515.459	255.127.178.108
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		96.490.284.207	130.753.708.171
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		649.750.412.965	594.232.691.533



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	890.838.184.823	972.918.135.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	60.529.656.272	65.748.262.352
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		830.308.528.551	907.169.873.628
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	406.635.009.489	426.535.583.029
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		423.673.519.062	480.634.290.599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	3.130.380.377	2.128.911.822
7. Chi phí tài chính	22		41.160.715	34.164.555
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	232.889.818.605	247.348.214.294
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	72.899.083.043	71.635.028.949
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		120.973.837.076	163.745.794.623
12. Thu nhập khác	31		3.814.541	21.422.712
13. Chi phí khác	32		69.855.067	118.353.144
14. (Lỗ) khác	40		(66.040.526)	(96.930.432)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		120.907.796.550	163.648.864.191
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	24.361.966.063	32.887.485.090
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	55.546.280	7.670.930
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96.490.284.207	130.753.708.171
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		96.490.284.207	130.753.708.171
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.4	16.179	19.731
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.4	16.179	19.731



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.7	120.907.796.550	163.648.864.191
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.9	10.263.107.635	10.390.307.583
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(3.130.380.377)	(2.138.002.731)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		128.040.523.808	171.901.169.043
- (Tăng) các khoản phải thu	09		(16.974.229.055)	(12.473.060.104)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		6.801.973.595	(19.899.745.939)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(13.643.333.699)	33.745.082.226
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		2.630.091.034	(48.782.727.205)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(29.745.772.536)	(11.590.613.157)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.644.931.443)	(5.860.538.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		72.464.321.704	107.039.566.513
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(65.841.140.227)	(46.517.516.259)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	9.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các CCN của đơn vị khác	23	4.2	(45.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CCN của đơn vị khác	24		-	14.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.149.167.288	1.738.407.712
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(107.691.972.939)	(30.770.017.638)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.805.400.000)	(11.782.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.805.400.000)	(11.782.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(50.033.051.235)	64.487.548.875
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	145.681.613.076	81.194.064.201
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	95.648.561.841	145.681.613.076



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/3/20204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi số 12 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 30/3/2023.

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo về việc chính thức đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nam Dược vào giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán NDC, ngày giao dịch chính thức là 11/3/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 59.640.000.000 VND được chia thành 5.964.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2023 là 668 người (tại ngày 01/01/2023 là 644 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh thương mại;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty trong năm là:

- Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Mua bán dược phẩm, dược liệu và các nguyên liệu làm thuốc;
- Sản xuất trang thiết bị y tế.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 02 Công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Ngành nghề hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam (i)	Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	100%	100%	100%

(i) Công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hoàn thành xây dựng và chưa đi vào sản xuất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các chi nhánh phụ thuộc gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng trụ sở	Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm
Chi nhánh miền Trung	Đà Nẵng	Kinh doanh dược phẩm
Chi nhánh miền Nam	Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm
Chi nhánh Bắc miền Trung	Nghệ An	Kinh doanh dược phẩm
Chi nhánh miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh dược phẩm

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.5 Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 Hàng tồn kho (tiếp)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí thuê nhà;
- Tiền thuê đất;
- Phần mềm và bảo trì phần mềm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định và showroom.

3.8 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (tiếp)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho ra sản phẩm	06
TSCĐ khác	03 – 08

3.9 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất của Công ty.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.10 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.11 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

3.13 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

61789-
CÔNG
TY TNHH
TOÁN &
VIẾT
CHI NH
HÀ N
GIẤY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.15 Doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi xuất hóa đơn và có biên bản bàn giao hàng hóa cho đơn vị vận chuyển nhận hàng.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào năm sau nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào năm sau và sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, bao gồm các chi phí lương nhân viên, khấu hao TSCĐ, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.22 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2023, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.22 Thuế (tiếp)

Nhóm công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các thành phẩm, hàng hóa do Nhóm Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- Thuốc chữa bệnh 5%
- Thực phẩm chức năng 10%

Theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 101/2023/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24/6/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Cụ thể, hàng hoá được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8% gồm thực phẩm chức năng.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	191.121.332	84.616.896
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.345.317.218	41.596.996.180
Các khoản tương đương tiền (i)	71.112.123.291	104.000.000.000
Cộng	95.648.561.841	145.681.613.076

(i) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 2,7%/năm đến 3,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 3,7%/năm đến 4,4%/năm.

4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu từ các bên liên quan	7.610.421.710	2.659.544.274
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	7.610.421.710	2.659.544.274
Phải thu bên thứ ba	27.941.131.492	20.988.863.581
Công ty Cổ phần DT Food	1.319.235.233	516.930.390
Công ty TNHH Thiên Y Pharma	1.481.293.170	-
Nhà thuốc Nhân Sinh	-	3.688.313.429
Các khách hàng khác	25.140.603.089	16.783.619.762
Cộng	35.551.553.202	23.648.407.855

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho bên thứ ba	12.223.825.663	7.267.299.516
Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu Đức Huy	4.704.323.400	-
Tổng Công ty Cổ phần Công Trình Viettel	3.662.860.759	-
Công ty TNHH DT Food	-	3.558.978.688
Công ty TNHH Việt Thái	-	1.258.888.000
Công ty TNHH Nhà Tương Lai	-	807.498.000
Nhà cung cấp khác	3.856.641.504	1.641.934.828
Cộng	12.223.825.663	7.267.299.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.5 Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Phải thu bên thứ ba	3.801.036.231	2.938.313.273
Ký cược, ký quỹ	475.250.000	310.250.000
Tạm ứng	2.074.012.834	1.524.253.267
Lãi dự thu	467.563.774	486.350.685
Phải thu khác	784.209.623	617.459.321
Cộng	3.801.036.231	2.938.313.273
Dài hạn		
Phải thu bên thứ ba	-	231.000.000
Ký cược, ký quỹ	-	231.000.000
Cộng	-	231.000.000

4.6 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.522.135.933	28.601.137.415
Công cụ, dụng cụ	520.713.297	658.150.182
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.238.339.882	3.818.489.616
Thành phẩm	39.887.389.052	44.344.092.612
Hàng hóa	26.414.750.231	30.963.432.165
Cộng	101.583.328.395	108.385.301.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.7 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	5.323.979	156.424.124
Chi phí thuê nhà	216.666.668	1.272.222.222
Chi phí phần mềm và bảo trì phần mềm	192.457.305	241.170.402
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	583.284.484	708.370.155
Cộng	997.732.436	2.378.186.903
Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.314.936.629	1.192.058.142
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị	915.556.606	1.209.593.928
Chi phí sửa chữa văn phòng, showroom	1.825.664.497	1.571.747.798
Tiền thuê đất (i)	43.900.260.224	44.859.828.752
Chi phí trả trước dài hạn khác	368.952.313	741.778.216
Cộng	48.325.370.269	49.575.006.836

(i) Tiền thuê đất theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 07/HĐTĐ/2022 ngày 27/04/2022 ký giữa Công ty con - Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam (bên thuê) với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam (bên cho thuê). Theo đó, tổng tiền thuê cơ sở hạ tầng là 45.419.577.060 VND, thời hạn thuê từ ngày ký biên bản bàn giao đất ngày 01/06/2022 cho đến ngày 20/09/2069. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Số 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2023	75.757.557.341	83.621.213.226	16.520.372.390	3.549.979.771	500.000.000	4.786.040.171	184.735.162.899
Mua sắm	1.754.609.091	1.390.028.260	-	52.727.273	-	-	3.197.364.624
Tại ngày 31/12/2023	77.512.166.432	85.011.241.486	16.520.372.390	3.602.707.044	500.000.000	4.786.040.171	187.932.527.523
HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2023	33.842.381.499	70.378.015.833	11.105.195.766	2.159.857.693	319.444.446	3.991.417.379	121.796.312.616
Khấu hao	4.270.037.393	3.256.514.712	1.460.678.206	313.196.880	83.333.333	171.578.184	9.555.338.708
Tại ngày 31/12/2023	38.112.418.892	73.634.530.545	12.565.873.972	2.473.054.573	402.777.779	4.162.995.563	131.351.651.324
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2023	41.915.175.842	13.243.197.393	5.415.176.624	1.390.122.078	180.555.554	794.622.792	62.938.850.283
Tại ngày 31/12/2023	39.399.747.540	11.376.710.941	3.954.498.418	1.129.652.471	97.222.221	623.044.608	56.580.876.199

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 93.301.208.747 VND (tại ngày 01/01/2023 là 76.178.417.156 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài hợp nhất chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.9 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2023	181.632.855.216	3.858.024.950	350.000.000	185.840.880.166
Mua sắm	42.053.677.500	630.800.000	-	42.684.477.500
Tại ngày 31/12/2023	223.686.532.716	4.488.824.950	350.000.000	228.525.357.666
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2023	801.428.129	1.069.923.800	186.083.355	2.057.435.284
Khấu hao	-	672.768.923	35.000.004	707.768.927
Tại ngày 31/12/2023	801.428.129	1.742.692.723	221.083.359	2.765.204.211
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	180.831.427.087	2.788.101.150	163.916.645	183.783.444.882
Tại ngày 31/12/2023	222.885.104.587	2.746.132.227	128.916.641	225.760.153.455

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.579.000.729 VND (tại ngày 31/12/2022 là 1.454.285.629 VND).

(i) Bao gồm 10 quyền sử dụng đất thời gian sử dụng lâu dài tại trụ sở chính, các chi nhánh và kho hàng của Công ty. Các quyền sử dụng đất này không thời hạn nên không trích khấu hao theo quy định hiện hành.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Mua sắm tài sản cố định	6.000.000.000	487.278.000
Giá trị quyền sử dụng đất tại khu tái định cư Phú An, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	6.000.000.000	-
Phần mềm quản lý bán lẻ 3S POS	-	487.278.000
Xây dựng cơ bản dở dang	12.538.768.326	587.283.383
Nhà máy Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam (i)	1.693.602.054	562.283.383
Đầu tư nâng cấp, mở rộng nhà máy Công ty TNHH Nam Dược tại Nam Định (ii)	8.357.927.563	25.000.000
Chi phí thi công, thiết kế xây dựng văn phòng, kho tại các chi nhánh	2.487.238.709	-
Cộng	18.538.768.326	1.074.561.383

(i) Dự án xây dựng Công trình Nhà máy Công ty TNHH Nam Dược Hà Nam tại lô CN12 – KCN hỗ trợ Đồng Văn III, phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Tổng vốn đầu của dự án là 250 tỷ VND, trong đó ổn góp để thực hiện dự án là 150 tỷ VND. Tại ngày 31/12/2023, công trình đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc xây dựng nhà máy và chuẩn bị giai đoạn xây dựng nhà máy.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢCSố 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài hợp nhất chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp)**

(ii) Dự án tại công ty con – Công ty TNHH Nam Dược thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

4.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược (i)	255.000.000	Không xác định	-	255.000.000	Không xác định	-
Cộng	255.000.000		-	255.000.000		-

(i) Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006 nhưng chưa hoàn tất các thủ tục giải thể.

Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và quy định về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

4.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Phải trả người bán bên thứ ba	26.605.297.112	25.899.868.587
Công ty Cổ phần BIBICA	5.624.142.951	3.470.442.988
Công ty TNHH ADC	2.857.521.089	4.955.418.899
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	2.043.104.856	2.085.961.814
Các nhà cung cấp khác	16.080.528.216	15.388.044.886
Cộng	26.605.297.112	25.899.868.587

4.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan trả tiền trước	601.112.682	1.100.935.881
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	601.112.682	1.100.935.881
Bên thứ ba trả tiền trước	414.059.622	8.042.391.105
Nhà thuốc Nhân Sinh	-	569.054.235
Người mua trả trước khác	414.059.622	7.473.336.870
Cộng	1.015.172.304	9.143.326.986

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Số 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**4.14 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2023 VND	
	Số dư		Tăng	Khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	5.591.152.850		51.167.121.004	52.199.234.312	4.559.039.542	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	879.551.193	88.877.108.667	91.179.920.942	-	3.182.363.468
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập	-	-	38.294.500	38.294.500	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	23.248.476.375	29.745.772.536	24.361.966.063	-	17.864.669.902
Thuế thu nhập cá nhân	-	408.620.021	17.671.142.955	17.565.666.850	-	303.143.916
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	13.839.000	-	170.205.521	184.044.521	-	-
Các loại thuế khác	-	612.371.321	2.986.594.790	2.954.800.014	-	580.576.545
Các khoản phí, lệ phí	-	4.906.211	25.216.050	21.721.376	-	1.411.537
Cộng	13.839.000	25.153.925.121	139.514.335.019	136.306.414.266	-	21.932.165.368



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢCSố 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)****4.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	19.380.918.449	11.750.232.481
Chi phí phải trả khác	689.181.719	1.251.911.886
Cộng	20.070.100.168	13.002.144.367

4.16 Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả bên liên quan	1.029.260.000	924.660.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.029.260.000	924.660.000
Phải trả bên thứ ba	4.364.601.129	135.213.150
Kinh phí công đoàn	75.335.144	89.556.282
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
Phúc lợi phải trả công nhân viên	4.258.616.853	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.649.132	44.656.868
Cộng	5.393.861.129	1.059.873.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.17 Vốn chủ sở hữu

4.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của	LNST	Cộng
	chủ sở hữu	chưa phân phối	
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	59.640.000.000	273.341.324.576	332.981.324.576
Lãi trong năm	-	130.753.708.171	130.753.708.171
Tăng khác	-	609.628.360	609.628.360
Phân chia lợi nhuận	-	(18.743.530.740)	(18.743.530.740)
Giảm khác	-	(80.244.088)	(80.244.088)
Tại ngày 31/12/2022	59.640.000.000	385.880.886.279	445.520.886.279
Tại ngày 01/01/2023	59.640.000.000	385.880.886.279	445.520.886.279
Lãi trong năm	-	96.490.284.207	96.490.284.207
Phân chia lợi nhuận (i)	-	(13.075.370.820)	(13.075.370.820)
Trả cổ tức (i)	-	(14.910.000.000)	(14.910.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	59.640.000.000	454.385.799.666	514.025.799.666

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Nội dung	Số tiền
	VND
Trích quỹ phúc lợi (5% từ lợi nhuận sau thuế)	6.537.685.410
Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (5% từ lợi nhuận sau thuế)	6.537.685.410
Chia cổ tức (25% vốn điều lệ)	14.910.000.000

4.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	23,77	14.174.500.000	23,77
Ông Nguyễn Văn Giang	3.592.000.000	6,02	3.572.000.000	5,99
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	10.468.200.000	17,55	10.468.200.000	17,55
Các cổ đông khác	31.405.300.000	52,66	31.425.300.000	52,69
Cộng	59.640.000.000	100	59.640.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.17 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.17.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.964.000	5.964.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.964.000	5.964.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.964.000	5.964.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.964.000	5.964.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.964.000	5.964.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.17.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	96.490.284.207	130.753.708.171
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	(13.075.370.820)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.964.000	5.964.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	16.179	19.731

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

4.18 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
- USD	427,44	419,24

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	419.316.606.727	405.757.702.395
Doanh thu bán thành phẩm	471.521.578.096	567.160.433.585
Cộng	890.838.184.823	972.918.135.980

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chiết khấu thương mại	60.473.519.743	65.678.662.167
Hàng bán bị trả lại	56.136.529	69.600.185
Cộng	60.529.656.272	65.748.262.352

5.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	208.061.027.728	204.104.348.117
Giá vốn của thành phẩm đã bán	198.573.981.761	222.431.239.912
Cộng	406.635.009.489	426.535.583.029

5.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	3.130.380.377	2.128.911.822
Cộng	3.130.380.377	2.128.911.822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	124.210.473.535	143.773.044.698
Chi phí nguyên vật liệu	2.611.221.977	2.872.522.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	760.462.010	518.412.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài (i)	36.568.099.609	44.249.267.472
Chi phí khác bằng tiền (i)	68.739.561.474	55.934.967.297
Cộng	232.889.818.605	247.348.214.294

(i) Trong đó lần lượt bao gồm 28.048.642.480 VND là chi phí vận chuyển và 30.733.302.349 VND là chi phí quảng cáo.

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	51.637.809.517	52.354.029.213
Chi phí vật liệu văn phòng	1.529.002.172	1.481.167.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.268.494.724	6.097.217.950
Thuế và các khoản lệ phí	546.830.320	379.889.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.863.965.363	8.792.012.069
Chi phí khác bằng tiền	3.052.980.947	2.530.712.280
Cộng	72.899.083.043	71.635.028.949

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢCSố 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	120.907.796.550	163.648.864.191
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	902.033.765	79.998.489
Chi phí không được trừ	1.179.765.162	118.353.144
Ảnh hưởng các bút toán hợp nhất	(277.731.397)	(38.354.655)
- Lợi nhuận chưa thực hiện từ lãi vay nội bộ	5.812.547	
- Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch mua bán Hàng tồn kho nội bộ	2.068.808.047	
- (Hoàn nhập) lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch mua bán nội bộ Hàng tồn kho	(2.352.351.991)	
Lợi nhuận sau điều chỉnh	121.809.830.315	163.728.862.680
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	121.809.830.315	163.728.862.680
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	24.361.966.063	32.745.772.536
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	141.712.554
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	24.361.966.063	32.887.485.090
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo biên bản Kiểm	-	80.244.088
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	23.248.476.375	1.871.160.354
Thuế TNDN đã trả trong năm	(29.745.772.536)	(11.590.413.157)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	17.864.669.902	23.248.476.375

5.8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

Chi phí thuế TNDN hoãn lại trong năm của Nhóm Công ty được xác định như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	415.167.406	470.713.686		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh do lãi chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ	415.167.406	470.713.686	55.546.280	7.670.930
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			55.546.280	7.670.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	203.984.283.548	229.102.682.244
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	163.935.032.360	185.348.311.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.263.107.635	10.390.307.583
Thuế và các khoản lệ phí	546.830.320	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.679.104.953	60.416.665.237
Chi phí khác bằng tiền	72.774.371.185	58.845.569.165
Cộng	502.182.730.001	544.103.535.286

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Cam kết thuê hoạt động

Đối với bên đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 01 năm trở xuống	1.196.064.000	1.091.064.000
Từ 01 năm đến 05 năm	3.944.256.000	9.531.406.000
Trên 05 năm	9.347.168.000	9.673.232.000
Cộng	5.140.320.000	10.622.470.000

Thông tin chi tiết của khoản thuê hoạt động như sau:

Tại Công ty Cổ phần Nam Dược

<u>Bên cho thuê</u>	<u>Hợp đồng</u>	<u>Địa chỉ thuê</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Tiền thuê (VND/m²/năm)</u>
Nguyễn Mạnh Tiến	Hợp đồng thuê nhà và quyền sử dụng đất ngày 01/10/2020	Số 261L Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	75,1	05 năm từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 30/09/2027	Năm 1: 65.000.000 Năm 2: 70.000.000 Năm 3: 80.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Cam kết thuê hoạt động (tiếp)

Tại Công ty TNHH Nam Dược

<u>Bên cho thuê</u>	<u>Hợp đồng</u>	<u>Địa chỉ thuê</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Tiền thuê (VND/m²/năm)</u>
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định	91/HĐ-TĐ ngày 05/11/2005	Lô M13 (C4-9), Đường N4, KCN Hòa Xá, Phường Mỹ Xá, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định	10.000	49 năm kể từ ngày 24/9/2003	16.000
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định	21/HĐ-TĐ ngày 25/11/2011	Lô N1, N2, Đường N4, KCN Hòa Xá, Phường Mỹ Xá, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định	10.379	41 năm, đến ngày 22/8/2052	16.000

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Nhóm Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Bà Dương Thị Sáu Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Cổ đông lớn nắm giữ 23,77% cổ phần Cổ đông lớn nắm giữ 17,55% cổ phần Bà Dương Thị Sáu là Tổng Giám đốc
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Nhóm Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bán hàng

	<u>Năm 2023 VND</u>	<u>Năm 2022 VND</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	57.265.079.348	66.510.185.270
<i>Bán thành phẩm</i>	<i>57.265.079.348</i>	<i>66.510.185.270</i>
Cộng	57.265.079.348	66.510.185.270

Trả cổ tức

Trong năm, Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông lớn từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2022. Chi tiết xem tại thuyết minh 4.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Lê Xuân Hạnh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.005.797.760	524.271.600
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.265.797.760	524.271.600
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên Hội đồng Quản trị	4.685.819.407	4.317.439.931
	Tổng Giám đốc		
Ông Lê Văn Sản	Thành viên Hội đồng Quản trị	3.947.471.274	4.099.767.052
	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Dương Thị Lan	Thành viên Hội đồng Quản trị	1.265.797.760	524.271.600
Ông Khuất Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	2.770.518.985	2.652.746.851
Cộng		14.941.202.946	12.642.768.634

Thu nhập của Ban Kiểm soát

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban Kiểm soát	762.898.870	262.135.790
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên	592.898.870	262.135.790
Ông Hoàng Minh Cường	Ủy viên	600.398.870	262.135.790
Cộng		1.956.196.610	786.407.370

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh 4.3 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh 4.13 "Người mua trả tiền trước ngắn hạn";
- Thuyết minh 4.16 "Phải trả ngắn hạn khác".

6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

789-00/
CÔNG TY
NHÀ
AN & TƯ
VIỆT N
NHÂN
IA NỘI
HÃY-T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước được phân loại lại và trình bày để phù hợp với việc Trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.


STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.924	(2.193)	19.731
2.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.924	(2.193)	19.731

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được điều chỉnh lại do Công ty thực hiện phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 như được trình bày tại thuyết minh 4.17.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu.



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024


Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng


Trần Thị Anh Đức
Người lập



SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU

KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN

RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội
Tầng 25 Tháp A, Tòa nhà Discovery Complex,
Số 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

T: 024 3795 5353
E: marketing.hn@rsm.com.vn

Văn phòng Thành Phố Hồ Chí Minh
Tầng 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, Số 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T: 028 3827 5026
E: contact_hcm@rsm.com.vn

Văn phòng Miền Trung
Tòa Nhà Đại Thắng, 264 Xô Viết Nghệ Tĩnh
Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

T: 023 6730 0020
E: contact_dn@rsm.com.vn

